PHỤ LỤC I
Niêm yết, công khai danh mục TTHC
bằng phương tiện điện tử dưới dạng mã QR-CORD
(Số liệu tính đến ngày 30/9/2026)
LĨNH VỰC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Theo Thông báo số 09/TB-TTPVHCC ngày 02/10/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tân Hưng)

MÃ QR-CORD
đăng nhập Cổng dịch vụ công Quốc gia

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
I. Lĩnh vực: Đất đai (16 thủ tục)				
1.	1.012817.000.00.00.H12	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	*QĐ số 2792/QĐ-UBND ngày 24/7/2026*	
2.	1.012796.000.00.00.H12	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	*QĐ số 2792/QĐ-UBND ngày 24/7/2026*	
3.	1.013950.H12	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	*QĐ số 2792/QĐ-UBND ngày 24/7/2026*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
4.	1.013949.H12	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	*QĐ số 2792/QĐ-UBND ngày 24/7/2026*	
5.	1.013952.H12	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	*QĐ số 2792/QĐ-UBND ngày 24/7/2026*	
6.	1.012753.000.00.00.H12	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	*QĐ số 2792/QĐ-UBND ngày 24/7/2026*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
7.	1.013953. H12	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	*QĐ số 2792/QĐ-UBND ngày 24/7/2026*	
8.	1.013962. H12	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	*QĐ số 2792/QĐ-UBND ngày 24/7/2026*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
9.	1.013978. H12	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	*QĐ số 2792/QĐ-UBND ngày 24/7/2026*	
10.	1.013979. H12	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	*QĐ số 1270/QĐ-UBND ngày 25/6/2025*	
11.	1.013965. H12	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	*QĐ số 2792/QĐ-UBND ngày 24/7/2026*	
12.	1.013967. H12	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	*QĐ số 1270/QĐ-UBND ngày 25/6/2025*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
13.	1.012812.000.00.00.H12	Hòa giải tranh chấp đất đai	*QĐ số 1270/QĐ-UBND ngày 25/6/2025*	
14.	1.012818.000.00.00.H12	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	*QĐ số 2792/QĐ-UBND ngày 24/7/2026*	
15.	1.014275.H12	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	*QĐ số 0808/QĐ-UBND ngày 29/8/2025*	
16.	1.014284.H12	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	*QĐ số 2792/QĐ-UBND ngày 24/7/2026*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
II. Lĩnh vực: Môi trường (01 thủ tục)				
17.	1.010736.000.00.00.H12	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	*QĐ số 1718/QĐ-UBND ngày 29/6/2025*	
III. Lĩnh vực: Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (01 thủ tục)				
18.	1.013040.000.00.00.H12	Khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	*QĐ số 62/QĐ-UBND ngày 09/01/2026*	
IV. Lĩnh vực: Thủy lợi (17 thủ tục)				
19.	1.003347.000.00.00.H12	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	*QĐ số 464/QĐ-UBND ngày 11/02/2026*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
20.	2.001627.H12	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	*QĐ số 464/QĐ-UBNDngày 11/02/2026*	
21.	1.003471.000.00.00.H12	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	*QĐ số 464/QĐ-UBNDngày 11/02/2026*	
22.	1.003446.000.00.00.H12	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	*QĐ số 464/QĐ-UBND ngày 11/02/2026*	
23.	1.003440.000.00.00.H12	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	*QĐ số 464/QĐ-UBND ngày 11/02/2026*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
24.	2.001621.000.00.00.H12	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện)	*QĐ số 464/QĐ-UBND ngày 11/02/2026*	
25.	1.014848.H12	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	*QĐ số 464/QĐ-UBND ngày 11/02/2026*	
26.	1.014862.H12	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	*QĐ số 1730/QĐ-UBND ngày 15/05/2026*	
27.	1.014852.H12	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	*QĐ số 1730/QĐ-UBNDngày 15/05/2026*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
28.	1.014859.H12	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	*QĐ số 1730/QĐ-UBND ngày 15/05/2026*	
29.	1.014849.H12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	*QĐ số 1730/QĐ-UBND ngày 15/05/2026*	
30.	1.014850.H12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	*QĐ số 1730/QĐ-UBND ngày 15/05/2026*	
31.	1.014860.H12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	*QĐ số 1730/QĐ-UBND ngày 15/05/2026*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
32.	1.014851.H12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	*QĐ số 1730/QĐ-UBND ngày 15/05/2026*	
33.	1.014864.H12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	*QĐ số 1730/QĐ-UBND ngày 15/05/2026*	
34.	1.014853.H12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	*QĐ số 1730/QĐ-UBND ngày 15/05/2026*	
35.	1.014863.H12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	*QĐ số 1730/QĐ-UBND ngày 15/05/2026*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
V. Lĩnh vực: Quản lý đê điều và Phòng chống thiên tai (02 thủ tục)				
36.	1.010091.000.00.00.H12	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	*QĐ số 1832/QĐ-UBND ngày 25/05/2026*	
37.	1.010092.000.00.00.H12	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	*QĐ số 1832/QĐ-UBND ngày 25/05/2026*	
VI. Lĩnh vực: Tài nguyên nước (01 thủ tục)				
38.	1.001662.000.00.00.H12	Đăng ký khai thác nước dưới đất	*QĐ số 237/QĐ-UBND ngày 22/01/2026*	
VII. Lĩnh vực: Lâm nghiệp và Kiểm lâm (08 thủ tục)				
39.	1.012922.000.00.00.H12	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	*QĐ số 365/QĐ-UBND ngày 02/02/2026*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
40.	1.012531.000.00.00.H12	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	*QĐ số 365/QĐ-UBND ngày 02/02/2026*	
41.	3.000250.000.00.00.H12	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	*QĐ số 1272/QĐ-UBND ngày 25/6/2025*	
42.	1.011471.000.00.00.H12	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	*QĐ số 1864/QĐ-UBND ngày 30/6/2025*	
43.	1.007919.000.00.00.H12	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND xã quyết định đầu tư	*QĐ số 365/QĐ-UBND ngày 02/02/2026*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
44.	1.012694.000.00.00.H12	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	*QĐ số 365/QĐ-UBND ngày 02/02/2026*	
45.	3.000502.H12	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	*QĐ số 0190/QĐ-UBND ngày 16/7/2025*	
46.	1.014832	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	*QĐ số 365/QĐ-UBND ngày 02/02/2026*	
VIII. Lĩnh vực: Thủy sản (06 thủ tục)				
47.	1.003956.000.00.00.H12	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng	*QĐ số 3190/QĐ-UBND ngày 22/08/2026*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
48.	1.004498.000.00.00.H12	Sửa đổi, bổ sung quyết định công nhận và giao quyền cho tổ chức cộng đồng	*QĐ số 3190/QĐ-UBND ngày 22/08/2026*	
49.	1.004478.000.00.00.H12	Công bố mở cảng cá loại III	*QĐ số 140/QĐ-UBND ngày 14/01/2026*	
50.	1.004680.000.00.00.H12	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	*QĐ số 3190/QĐ-UBND ngày 22/08/2026*	
51.	1.004656.H12	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoãng dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	*QĐ số 3190/QĐ-UBND ngày 22/08/2026*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
52.	1.014801.H12	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	*QĐ số 397/QĐ-UBND ngày 04/02/2026*	
IX. Lĩnh vực: Chăn nuôi (02 thủ tục)				
53.	1.012836.000.00.00.H12	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	*QĐ số 1244/QĐ-UBND ngày 25/6/2025*	
54.	1.012837.000.00.00.H12	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	*QĐ số 1244/QĐ-UBND ngày 25/6/2025*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
X. Lĩnh vực: Thú y (01 thủ tục)				
55.	1.013997.H12	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân)	*QĐ số 1285/QĐ-UBND ngày 25/6/2025*	
XI. Lĩnh vực: Biển và Hải đảo (05 TTHC)				
56.	3.000439.H12	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	*QĐ số 485/QĐ-UBND ngày 13/02/2026*	
57.	3.000440.H12	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	*QĐ số 485/QĐ-UBND ngày 13/02/2026*	
58.	3.000441.H12	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	*QĐ số 485/QĐ-UBND ngày 13/02/2026*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
59.	3.000442.H12	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	*QĐ số 485/QĐ-UBND ngày 13/02/2026*	
60.	3.000443.H12	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	*QĐ số 485/QĐ-UBND ngày 13/02/2026*	
XII. Lĩnh vực: Giảm nghèo (05 TTHC)				
61.	1.011606.000.00.00.H12	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm (sẽ bị bãi bỏ từ ngày 01/01/2027 theo QĐ 2891/QĐ-UBND ngày 12/8/2026)	*QĐ số 1720/QĐ-UBND ngày 29/6/2025*	
62.	1.011607.000.00.00.H12	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm (sẽ bị bãi bỏ từ ngày 01/01/2027 theo QĐ 2891/QĐ-UBND ngày 12/8/2026)	*QĐ số 757/QĐ-UBND ngày 22/4/2025*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
63.	1.011608.000.00.00.H12	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm (sẽ bị bãi bỏ từ ngày 01/01/2027 theo QĐ 2891/QĐ-UBND ngày 12/8/2026)	*QĐ số 757/QĐ-UBND ngày 22/4/2025*	
64.	1.011609.000.00.00.H12	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	*QĐ số 757/QĐ-UBND ngày 22/4/2025*	
65.	3.000412.000.00.00.H12	Công nhận người lao động có thu nhập thấp (sẽ bị bãi bỏ từ ngày 01/01/2027 theo QĐ 2891/QĐ-UBND ngày 12/8/2026)	*QĐ số 757/QĐ-UBND ngày 22/4/2025*	
66.		Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc giagiai đoạn 2027- 2030	QĐ 2891/QĐ-UBND ngày 12/8/2026	Có hiệu lực từ ngày 01/01/2027

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
67.		Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030	QĐ 2891/QĐ-UBND ngày 12/8/2026	Có hiệu lực từ ngày 01/01/2027
XIII. Lĩnh vực: Trồng trọt (01 TTHC)				
68.	1.008004.000.00.00.H12	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	*QĐ số 803/QĐ-UBND ngày 25/4/2025*	
XIV. Lĩnh vực: Trồng trọt và bảo vệ thực vật (01 TTHC)				
69.	1.014776	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	*QĐ số 2927/QĐ-UBND ngày 06/8/2026*	
XIV. Lĩnh vực: Nông nghiệp (01 TTHC)				
70.	1.003596.000.00.00.H12	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	*QĐ số 1011/QĐ-UBND ngày 26/5/2025*	

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Quyết định công bố	Mã QR - xem chi tiết
XV. Lĩnh vực: Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn (01 TTHC)				
71.	1.003434.000.00.00.H12	Hỗ trợ dự án liên kết	*QĐ số 1230/QĐ-UBND ngày 26/5/2025*	
XVI. Lĩnh vực: Địa chất và khoáng sản (02 TTHC)				
72.	1.014258.H12	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	*QĐ số 1367/QĐ-UBND ngày 16/4/2026*	
73.	1.014259.H12	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	*QĐ số 1367/QĐ-UBND ngày 16/4/2026*	

TỔNG CỘNG 73 THỦ TỤC./.